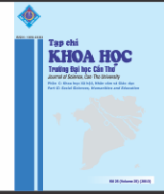




Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
website: sj.ctu.edu.vn



NGHIÊN CỨU PHONG TỤC TRÊN PHƯƠNG DIỆN KHÁI NIỆM VÀ LIÊN NGÀNH

Tạ Đức Tú

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 01/10/2015

Ngày chấp nhận: 23/05/2016

Title:

Researching customs as
conception and
interdisciplinarity

Từ khóa:

Phong tục, liên ngành

Keywords:

Custom, interdisciplin

ABSTRACT

Custom is one of the most essential elements of culture. There are a variety of books about Vietnamese custom. However, most of them describe only customary but not a full scientific understanding of customs and related matters on theoretical aspects. In this research, we try to figure out a possible concept in cultural research based on its content; and suggest a wide range of methodological issues on the basis of interdisciplinary research.

TÓM TẮT

Phong tục là một trong những thành tố quan trọng nhất của văn hoá. Nếu liệt kê sách viết về phong tục ở Việt Nam cũng đã có đến vài mươi đầu sách. Tuy nhiên, hầu hết chỉ miêu tả phong tục chứ chưa có một nhận thức khoa học đầy đủ về phong tục cũng như các vấn đề có liên quan trên phương diện lý luận. Qua bài viết này, chúng tôi cố gắng tìm ra một khái niệm khả dĩ trong nghiên cứu phong tục trên cơ sở nội hàm của nó; đồng thời gợi một số vấn đề phương pháp luận nghiên cứu phong tục trên cơ sở liên ngành.

Trích dẫn: Tạ Đức Tú, 2016. Nghiên cứu phong tục trên phương diện khái niệm và liên ngành. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 43c: 81-86.

1 GIÁ TRỊ PHONG TỤC TRONG CÁC KHÁI NIỆM VỀ VĂN HOÁ

Khái niệm văn hoá được hiểu theo nghĩa nhân văn rất rộng. F. Mayor đã nêu định nghĩa về văn hoá vừa mang tính khái quát vừa có tính đặc thù: "Văn hoá bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, *phong tục tập quán*¹, lối sống và lao động" (Radughin, 1997, tr20). Khái niệm này được cộng đồng quốc tế chấp nhận tại Hội nghị liên chính phủ về các chính sách văn hoá tại Venice, 1970.

Văn hoá biểu hiện trong lí tưởng sống, trong các quan niệm về thế giới và nhân sinh; trong lao động và đấu tranh, trong tổ chức đời sống; nhằm tạo dựng môi trường xã hội, đồng thời thể hiện lí tưởng thẩm mỹ. Nhà xã hội học văn hoá người Anh E. B. Tylor, lần đầu tiên nêu định nghĩa về văn hoá (1871): "Văn hoá hay văn minh² là một chỉnh thể phức hợp bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, *tập tục* và bất kì năng lực, *thói quen* nào khác mà *con người cần có với tư cách là một thành viên của xã hội*" (Radughin, 1997, tr16). Văn hoá của một dân tộc hiểu theo nghĩa căn bản nhất là toàn bộ những cái mà qua đó, một dân tộc

¹ Chữ *in nghiêng* trong các trích dẫn là chúng tôi (TĐT) nhấn mạnh

² Thời điểm B. Tylor viết quyển *Văn hoá nguyên thủy* (1871), thế giới chưa có sự phân biệt giữa *văn hoá* và *văn minh*

tự biểu hiện mình, tự nhận biết mình và giúp các dân tộc khác nhận biết mình. Bởi vậy, văn hoá là nơi thể hiện rõ nhất tinh thần dân tộc, bản sắc dân tộc, đồng thời cũng là nơi thể hiện ý thức và những phương thức tiếp nhận những giá trị của các dân tộc khác theo tinh thần cùng tham dự và cùng chia sẻ.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hậu trong bài *Đi tìm bản sắc văn hoá dân tộc qua thế giới biểu tượng* (2012) cho rằng: “Có thể nói bản sắc văn hóa dân tộc chính là sự thể hiện của tâm lý dân tộc, được biểu hiện ra ở lối sống, nếp sống, ở *phong tục và tập quán*, ở sự ưa thích, cách suy nghĩ và ở cả thang bảng giá trị xã hội, bao gồm cả *sở trường* và *sở đoản*. Tất cả cùng hiện ra những nét độc đáo, đặc sắc nhằm phân biệt giữa dân tộc này với dân tộc khác. Bản sắc văn hóa dân tộc là sự biểu hiện về bản lĩnh sáng tạo của mỗi dân tộc. Nó được kết tinh thành những biểu tượng văn hóa và thông qua các hệ thống biểu tượng, ta có thể hiểu được tinh cách của dân tộc đó” (Nguyễn Văn Hậu, 2012, tài liệu trên mạng).

Ở đây có thể nhận diện giá trị phong tục bao gồm cả “sở trường và sở đoản”, tức bản thân phong tục hàm chứa cả yếu tố tích cực lẫn yếu tố không tích cực. Các định nghĩa văn hoá dưới dạng liệt kê thành tố, bao giờ cũng có thành tố phong tục. Phong tục là một trong những thành tố quan trọng nhất của văn hoá.

Về lý luận, cho rằng phong tục thuộc phương diện tinh thần, A.A. Radughin viết: “Văn hoá tinh thần bao gồm tổng thể những kết quả của hoạt động tinh thần và mặt khác, bao gồm chính cả hoạt động tinh thần ấy. Những giả tượng của văn hoá tinh thần tồn tại dưới những hình thức hết sức đa dạng. Đó là những *phong tục*, chuẩn mực, mẫu hành vi của con người đã hình thành nên trong những điều kiện xã hội cụ thể” (Radughin, 1997, tr 113). Những sản phẩm của hoạt động trí tuệ và văn hoá tinh thần này cùng với những sản phẩm của sản xuất vật chất và công nghệ chính là hoạt động sống của con người ở mọi thời đại.

2 VỀ KHÁI NIỆM PHONG TỤC

Cho đến nay, có khá nhiều nhà nghiên cứu khi bàn về phong tục đã cố gắng nêu ra một cách hiểu về nó. Những cách hiểu này, tùy theo mục đích nghiên cứu mà có những kiểu định nghĩa khác nhau:

Dương Văn Đám trong *Tư Thế phong thổ ký* cho rằng: “Phong tục là những *thói quen trong đời sống*, truyền từ đời này qua đời khác. Mỹ tục

thường được lưu giữ, hủ tục thì dần bớt đi. Một số phong tục làng xưa, nay vẫn hiện hữu trong đời sống thường nhật, hay còn ghi nhớ trong tâm thức người dân, đang nằm trong luồng biến hoá trên” (Dương Văn Đám, 2013, tr129).

Nam Việt trong *Văn hoá phong tục thế giới qua hình ảnh* viết: “Phong tục là *nét đặc trưng riêng của mỗi dân tộc* trên thế giới, trở thành luật tục ăn sâu vào đời sống của nhân dân. Môi trường văn hoá là một trong những nhân tố quyết định đến phong tục. Văn hoá phong tục là những căn cứ quan trọng để đánh giá chủ quyền văn hoá của mỗi dân tộc. Bởi vì nó phản ánh tâm tư tình cảm, diện mạo tinh thần và những thăng trầm lịch sử của dân tộc đó, từ đó giúp con người hiểu được quá khứ và hiện tại” (Nam Việt, 2011, tr 3).

Trương Thìn trong *101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục* cho rằng: “Phong tục là toàn bộ những *hoạt động sống của con người* được hình thành trong quá trình lịch sử và ổn định thành nề nếp, được cộng đồng thừa nhận, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Phong tục không mang tính cố định, bắt buộc như nghi thức, nghi lễ, nhưng cũng không tùy tiện như hoạt động sống thường ngày. Nó trở thành một tập quán xã hội tương đối bền vững và tương đối thống nhất.

Phong tục có thể ở một dân tộc, địa phương, tầng lớp xã hội hay thậm chí một dòng họ, gia tộc. Phong tục là một bộ phận của văn hoá và có thể chia thành nhiều loại. Hệ thống phong tục liên quan đến vòng đời người, như: phong tục về sinh đẻ, trưởng thành, cưới xin, mừng thọ và lên lão... Hệ thống phong tục liên quan đến hoạt động của con người theo chu kỳ thời tiết trong năm, hệ thống phong tục liên quan đến chu kỳ lao động của con người.

‘Phong’ là nề nếp đã lan truyền rộng rãi, ‘tục’ là thói quen lâu đời. Nội dung phong tục bao hàm mọi sinh hoạt xã hội... Phong tục có thứ đã trở thành luật tục, ăn sâu, bén rễ trong nhân dân rất bền chặt, có sức mạnh hơn cả đạo luật. Trong truyền thống văn hoá của dân tộc ta, có nhiều thuần phong mỹ tục cho đạo lý làm người, kỷ cương xã hội” (Trương Thìn, 2010, tr 5).

Với những cách hiểu như trên, có thể cho ta một hình dung gồm tất cả các sinh hoạt của con người được thực hiện trong cộng đồng dù nhỏ hay lớn đều là phong tục. Đào Duy Anh trong *Việt Nam văn hoá sử cương* in lần đầu năm 1938 cũng cho rằng “văn hoá tức là sinh hoạt”. Ông biện luận như sau: “Học thuật tư tưởng cố nhiên là ở trong phạm

vi văn hoá nhưng phạm sự sinh hoạt về chính trị, về xã hội cùng *hết thảy các phong tục tập quán tầm thường* lại không phải là ở trong phạm vi văn hoá hay sao? Hai tiếng văn hoá chẳng qua là chỉ chung *tất cả các phương diện sinh hoạt của loài người* cho nên ta có thể nói rằng: *văn hoá tức là sinh hoạt*” (Đào Duy Anh, 1938, tr 11). Phần viết về phong tục, từ trang 150 – 187 sách đã dẫn, Đào Duy Anh bàn nội hàm và những biểu hiện của phong tục, nhưng chủ yếu mô tả, giải thích khá nhiều phong tục của Việt Nam, và tất cả đều là các sinh hoạt trong đời sống cá nhân con người trong xã hội Việt Nam truyền thống.

Trần Ngọc Thêm trong *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam* cho rằng: “Đời sống mỗi cá nhân trong cộng đồng được tổ chức dưới những tập tục được lan truyền từ đời này sang đời khác” (Trần Ngọc Thêm, 2004, tr 233). Đây có thể xem là một định nghĩa ngắn gọn về phong tục. Trong phần lý giải cụ thể, tác giả viết: “Đó là những thói quen đã ăn sâu vào đời sống xã hội từ lâu đời, được đại đa số mọi người thừa nhận và làm theo (*phong*: gió; *tục*: thói quen; *phong tục*: thói quen lan rộng)” (Trần Ngọc Thêm, 2004, tr 256). Tác giả Trần Ngọc Thêm xếp phong tục vào văn hoá tổ chức đời sống cá nhân. Đây là cách sắp xếp hợp lý trong cấu trúc văn hoá 3 thành phần: nhận thức, tổ chức và ứng xử với môi trường.

Từ điển *Từ Hải* (1989) giải thích: “Trải qua quá trình lâu dài noi theo mà thành phong tục, tập tục. Khổng Dĩnh Đạt trong *Hán Thư*, phần *Địa lý chí* nói rõ: Phạm dân đã noi theo tính của ngũ thường mà có sự mạnh yếu, nhanh chậm không giống nhau trong thanh âm có liên quan tới phong khí, thủy thổ thì gọi là phong; còn như thái độ yêu ghét, lấy bỏ, động tĩnh bất thường tùy hứng thì gọi là tục. Đó là cách lý giải cho phong tục. Phong và tục nếu đối lập thì không khác biệt nhiều, nhìn rộng ra thì nghĩa tương thông” (TĐT dịch; Từ Hải, 1989, tr 2460).

Dương Thị Liễu trong *Giáo trình Văn hoá kinh doanh* giải thích đơn giản nhưng khá dễ hiểu: “Phong tục, tập quán là những hành vi ứng xử, thói quen, nếp sinh hoạt tương đối ổn định của các thành viên trong nhóm xã hội được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác” (Dương Thị Liễu, 2013, tr 25).

Trên phương diện khái niệm, A.A Radughin viết: “Phong tục – đó là những mẫu hành vi toàn vẹn, quen thuộc, không nhận thức được thật rõ ràng. Phong tục bao gồm những *truyền thống được duy trì và thực hành thông qua các hành động nghi*

lễ và tôn giáo, mà trong đó nhất thiết phải có những *định hướng đạo đức*. Xét về mặt lịch sử, phong tục phải được rèn rũa trong một môi trường xã hội nào đó, phải được thực hành và thử thách trong một thời gian dài, tức là phong tục là những *khuôn mẫu hành vi được xã hội hoá và chuẩn mực hoá*, được ghi nhận trong ký ức xã hội và được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác như dạng hành vi trong lao động, sinh hoạt, giao tiếp, giáo dục... Cũng như bất kỳ khuôn mẫu nào, phong tục chứa đựng *sự cho phép* thực hiện những hành động nhất định và khi ấy, nó đóng vai trò thuật toán thực hiện. Nhưng phong tục cũng có thể đóng vai trò *cấm đoán*, và khi ấy nó thực hiện chức năng thuật toán ngăn chặn những hành động nhất định của con người” (Radughin, 1997, tr115).

Chúng tôi cho rằng đây là khái niệm chuẩn mực và đầy đủ nhất của một nhận thức khoa học – khái niệm – về phong tục. Tất cả các cách hiểu khác nhau của các nhà nghiên cứu Việt Nam khi bàn về phong tục đều không ra khỏi phạm vi của định nghĩa này. Trước hết, phong tục là một *chuẩn mực hành vi* điều chỉnh mọi động của con người, ở đây được hiểu là cả tinh thần lẫn vật chất. Đó là *tuân thủ* (cho phép - thuật toán thực hiện) hoặc *loại trừ* (cấm đoán - thuật toán ngăn chặn); nó như là một “khế ước xã hội”³ nhằm đảm bảo sự hợp tác giữa người và người thông qua những “truyền thống được duy trì” và có “định hướng đạo đức”. Phong tục mặc nhiên được thừa nhận trong một cộng đồng bởi “khuôn mẫu hành vi được xã hội hoá và chuẩn mực hoá”.

Từ những nhận thức khoa học như trên, chúng tôi định nghĩa gọn lại như sau: **Phong tục là những thói quen sinh hoạt trong đời sống được cộng đồng thừa nhận và truyền từ đời này qua đời khác, là nét đặc trưng riêng của mỗi cộng đồng, dân tộc.**

Định nghĩa này có 3 thành tố quan trọng giúp chỉ ra đặc trưng, bản chất của phong tục mà không lẫn với các đối tượng khác, đó là:

- những thói quen sinh hoạt trong đời sống;
- được cộng đồng thừa nhận;
- truyền từ đời này qua đời khác.

Đặc trưng thứ nhất, phong tục trước hết là những thói quen sinh hoạt trong đời sống của con người, nghĩa là tất cả những thói quen nào trong cuộc sống, từ đơn giản đến phức tạp, dường tính hay âm tính (về mặt giá trị xã hội: tốt – không tốt)

³ Tác phẩm của Jean-Jacques Rousseau

đều có thể trở thành phong tục, miễn là *phải* đáp ứng được thêm hai đặc trưng bên dưới nó.

Đặc trưng thứ hai, thói quen ấy phải được cộng đồng thừa nhận, nghĩa là nó phải có giá trị nhất định trong cộng đồng ấy, mà theo A.A. Radughin chính là sự “cho phép” hoặc “cấm đoán” bởi nó quy định “khuôn mẫu hành vi” và được “chuẩn mực hoá”.

Đặc trưng thứ ba cho thấy thói quen ấy đã được “rèn rũa trong một môi trường xã hội nào đó, được thực hành và thử thách trong một thời gian dài” để trở thành chuẩn hành vi trong lao động, sinh hoạt, giao tiếp, giáo dục... Các thế hệ tiếp nhận mặc nhiên thừa nhận chúng dù cho đôi lúc “không nhận thức được thật rõ ràng” về chúng.

3 PHONG TỤC TRÊN PHƯƠNG DIỆN LIÊN NGÀNH

Liên ngành (interdisziplin) trong nghiên cứu khoa học là có sự tham gia của hơn một ngành khoa học. Đó là sự vận dụng phương pháp, kết quả của các ngành khoa học gần, đã tương đối ổn định về đối tượng để nghiên cứu một ngành mới hơn nhưng ít nhiều phức tạp về đối tượng nghiên cứu. A.A.Radughin cho rằng: “Văn hoá không chỉ nghiên cứu văn hoá nói chung mà còn nghiên cứu các lĩnh vực khác nhau, thường là những lĩnh vực hết sức đặc thù trong đời sống văn hoá và tác động qua lại (thậm chí xâm nhập lẫn nhau) với nhân học, dân tộc học, tâm thần học, tâm lý học, xã hội học, ngôn ngữ học... và đồng thời giữ bộ mặt của riêng mình. Nói cách khác, văn hoá học là ngành nhân văn tổng hợp” (Radughin, 1997, tr39).

Đúng vậy, với bản chất như đã trình bày, nghiên cứu văn hoá phong tục nhất thiết phải dựa trên cơ sở liên ngành. R. Linton, một nhà nhân loại học người Mỹ trong công trình *Xã hội, văn hoá và cá nhân – những khái niệm khoa học xã hội có tính liên ngành* cho rằng bản thân đối tượng nghiên cứu đã có tính liên ngành thì phương pháp nghiên cứu cũng phải liên ngành, ông viết: “Nhà nghiên cứu mà chỉ tìm cách làm việc nhằm vào một lĩnh vực (văn hoá) không có liên hệ nào với hai lĩnh vực kia (cá nhân, xã hội) thì sẽ bị bế tắc (...) một khoa học về ứng xử của con người (chính là văn hoá), mà khoa học này thống nhất được các kết quả của tâm lý học, của xã hội học và nhân học thành một hợp đề (synthese)” (dẫn theo Nguyễn Tri Nguyên, 2006, sđd, tr12). Trên phương diện liên ngành, A.A. Radughin viết: “Phong tục – đó là một trong những hiện tượng phổ biến nhất trong lịch sử tinh thần của loại người. Các công trình nghiên cứu của

dân tộc học cho thấy rằng phong tục đóng vai trò thống trị với tư cách là yếu tố điều chỉnh chủ yếu hành vi trong xã hội cổ đại, chủ yếu trong môi trường sinh hoạt hằng ngày, mà nét đặc trưng là *ổn định* và *theo thói quen*. Trong cấu trúc xã hội hiện đại hơn và năng động hơn, phong tục đóng vai trò không bắt buộc bằng, nhưng vẫn *hiện diện trong bất kỳ nền văn hoá phát triển nào*” (Radughin, 1997, tr114). Quả vậy, phong tục đôi khi trở thành luật tục, ở những cộng đồng nhất định, đôi khi nó có sức mạnh hơn cả những đạo luật. Việt Nam ta có câu “Phép vua thua lệ làng” chính là phản ánh thực tế này. Khi có những điều không thể lý giải bằng kiến thức, bằng khoa học thì những phong tục, những “ma thuật” trở nên hữu dụng⁴. Trong truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam, có nhiều thuần phong mỹ tục cần cho đạo lý làm người, kỷ cương xã hội.

Phong tục là truyền thống văn hoá lưu giữ và hiện hữu các ký ức văn hoá dân tộc. Ký ức văn hoá “chứa đựng hàm lượng thông tin các giá trị văn hoá của quá khứ qua các truyền thống văn hoá dân tộc, tạo nên bản sắc và sự đa dạng văn hoá, nó cũng thiết yếu đối với sự sống con người tựa như sự đa dạng sinh học trong thế giới tự nhiên (...) Ký ức văn hoá là *bức tranh tự họa của mỗi dân tộc*, nó không chỉ là thể phách mà còn là tinh anh của các dân tộc, nó không chỉ là bản lĩnh của dân tộc mà còn là bản sắc dân tộc” (Nguyễn Tri Nguyên, 2010, tr125).

Khá tương đồng với quan niệm trên, Jan Assmann nêu nhận định: “Dưới khái niệm ký ức văn hoá chúng ta bao hàm sự tồn tại đặc thù của mọi xã hội và mọi thời đại qua các văn bản, các hình ảnh và phong tục được tái tạo sử dụng, trong sự bảo tồn này ký ức văn hoá củng cố và truyền tải bức chân dung tự họa của cộng đồng, một sự nhận thức cộng đồng được chia sẻ một cách đặc biệt” (dẫn theo Nguyễn Tri Nguyên, 2010, tr124).

Phong tục đôi khi trở thành luật tục, ăn sâu, bén rễ trong nhân dân rất bền chặt, có sức mạnh hơn cả những đạo luật. Đồng thời nó cũng là một sự bảo tồn, củng cố và truyền tải những nét văn hoá riêng của một cộng đồng. Trong truyền thống văn hoá

⁴ Tác phẩm *Ma thuật, Khoa học và Tôn giáo* (Magic, Science and Religion and Other Essays) của B. Milinowski, lý giải sự cần thiết của ma thuật khi chưa có khoa học (sự hiểu biết), và sự cần thiết của tôn giáo như là sự cứu rỗi ở các nền văn minh trên thế giới. Ma thuật ở đây được hiểu là những hành vi (phong tục, tín ngưỡng) để con người **hành động** trước những việc mà bản thân họ không có những hiểu biết rõ ràng

của dân tộc ta, có nhiều thuần phong mỹ tục cần cho đạo lý làm người, kỷ cương xã hội và cố kết cộng đồng. Về vấn đề này, tác giả Nguyễn Tri Nguyên rất có lý khi nhận xét: “Khi được đánh thức và phát huy, truyền thống văn hoá và kỷ ức văn hoá sẽ trở thành một *tiềm năng tinh thần* to lớn trong đời sống cộng đồng, nó có một vai trò quan trọng như vật chất, như năng lượng, như sức sống trong sự phát triển kinh tế và xã hội của các dân tộc” (Nguyễn Tri Nguyên, 2010, tr129).

Theo quan điểm triết học văn hoá của Oxvald Spengler thì: “Đặc trưng của mỗi nền văn hoá là cách nhìn và cách nhận thức thế giới, như cách nhìn và cách nhận thức thiên nhiên, hoàn toàn riêng biệt, hay nói theo cách khác, mỗi nền văn hoá có thiên nhiên độc đáo riêng của mình mà không một người nào thuộc nếp nghĩ khác có thể thấy giống hệt như thế được” (Tác phẩm *Hoàng hôn ở phương Tây*, dẫn theo Radughin, 1997, tr57). Xét vấn đề văn hoá phong tục thì mỗi cộng đồng, dân tộc có những phong tục riêng, thể hiện tâm thức, nếp nghĩ, có khi là cả tự nhiên của cộng đồng ấy. Chính vì vậy, ta thấy những phong tục lạ trên thế giới, thậm chí người ta gọi đó là quái đản, kỳ quặc vẫn mặc nhiên tồn tại và được duy trì. Chúng ta không cùng nhận thức với họ, không ở vào hoàn cảnh tự nhiên và môi trường xã hội của họ thì không tài nào hiểu được phong tục của họ. Hay nói ngược lại, những phong tục mà người của một nền văn hoá khác phán xét là kỳ quặc, quái đản trái lại không xa lạ với họ chút nào; thậm chí có khi trong mắt họ, những thói quen mà cộng đồng chúng ta đang thừa nhận, lại xa lạ, kỳ quặc trong mắt họ! Đây là giá trị mà triết học văn hoá gợi ý để nhận xét một nền văn hoá khác chúng ta, đòi phải phải xem xét vấn đề một cách biện chứng và trên quan điểm lịch sử - cụ thể. Bên cạnh đó, trước sự “xâm nhập” mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật hiện đại, quan niệm triết học văn hoá của O.Spengler cũng cảnh báo nền văn minh mới và khoa học phát triển thì có thể làm cho tâm hồn con người tàn lụi, ông viết: “Bộ não lên ngôi vua bởi tâm hồn đã về hưu” (dẫn theo Radughin, 1997, tr60). Những hiểu biết khoa học, hành xử lý tính sẽ làm cho tâm hồn chúng ta chai sạn. Nói cách khác, muốn tâm hồn chúng ta càng khoáng đạt, an nhiên tự tại thì suy nghĩ lý trí và khoa học phải ít đi. Như vậy, quan niệm triết học văn hoá của O. Spengler có thiên hướng bảo lưu truyền thống.

Quan niệm xã hội học của Herbert Spencer cho rằng các hiện tượng, các quá trình xã hội luôn gắn liền với các cá nhân với tất cả những đặc điểm về động cơ, nhu cầu, tình cảm, trí tuệ và hành động

phức tạp, đa dạng. Nghiên cứu phong tục cũng không được phép bỏ qua nguyên tắc này, chúng ta cần chú ý đến động cơ, nhu cầu, tình cảm, trí tuệ cộng đồng khi họ có những hành động tạo nên thói quen để trở thành phong tục. Chúng ta giả sử rằng, nếu những thói quen ấy không được thực hiện thì có ảnh hưởng đến kết quả trong hành động của cộng đồng ấy hay không? Chúng ta rõ ràng chưa thể kết luận chắc chắn, nhưng một chắc chắn là nếu không thực hiện đúng thói quen đó thì cộng đồng đó rất không an tâm khi hành động. Đó không phải là một lỗi mòn, mà đó là một kiểu thức tư duy. Quan niệm của H.Spencer về một thiết chế xã hội cũng rất hữu dụng trong nghiên cứu phong tục. Ông cho rằng thiết chế xã hội là một kiểu tổ chức xã hội xuất hiện và hoạt động nhằm đảm bảo đáp ứng các nhu cầu, yêu cầu chức năng cơ bản của hệ thống xã hội, đồng thời kiểm soát các hoạt động của các cá nhân và các nhóm trong xã hội. Trong số các thiết chế xã hội, H. Spencer đặc biệt chú ý đến thiết chế gia đình dòng họ, thiết chế nghi lễ, thiết chế chính trị, thiết chế tôn giáo và thiết chế kinh tế. Đây là những thiết chế cơ bản của đời sống xã hội. Khái quát lại vấn đề, thiết chế chính là một hình thức tối ưu để duy trì trật tự xã hội. Thiết chế có khả năng giúp cộng đồng cùng cố, duy trì và thích nghi với môi trường sống còn chứa đựng nhiều rủi ro, bất trắc. Phong tục trong đời sống xã hội cũng như một thiết chế, giúp cộng đồng an tâm khi thực thi một vấn đề nào đó, dù có thể không biết rõ nhưng hoàn toàn tin là đúng. Bản chất thiết chế là một hệ thống những hoạt động có mục đích gồm những người tham gia và quan hệ giữa họ; những quy tắc mà các thành viên bắt buộc phải thực thi; có nội dung hoạt động, công cụ hoạt động và chức năng được thực hiện. Trong văn hoá phong tục, chức năng cuối cùng của nó là đem lại niềm tin cho các thành viên của cộng đồng tham gia thực hiện hoạt động phong tục đó. Đến đây, vấn đề được giải quyết hoàn toàn theo thuyết chức năng luận (Functionallism). Phong tục, ở một phương diện nào đó, tương tự như “ma thuật” mà B. Malinowski giải thích: “Tuy ma thuật là giả khoa học (phong tục cũng vậy – TĐT nhấn mạnh), nhưng có chức năng quan trọng đối với con người như nghi lễ hoá và củng cố niềm tin, hy vọng, sự lạc quan của con người trong cuộc đấu tranh chống lại sự sợ hãi, nghi ngờ và bi quan” (dẫn theo Lê Ngọc Hùng, 2011, tr220). Radcliffe Brown chỉ ra rằng: “Các nghi lễ, ma thuật (và *phong tục* – TĐT bổ sung, nhấn mạnh) có chức năng giảm bớt cảm giác lo sợ hiểm nguy và tạo ra cảm giác yên tâm, an toàn xã hội” (dẫn theo Lê Ngọc Hùng, 2011, tr225).

Trong bối cảnh ngày nay, nếu biết khai thác hết giá trị của văn hoá truyền thống nói chung, văn hoá phong tục nói riêng cũng là một động lực mạnh mẽ cho phát triển dân tộc. Nghiên cứu văn hoá phong tục nhất thiết cần những hiểu biết liên ngành về dân tộc học, xã hội học, văn hoá dân gian và quan trọng có lẽ là triết học văn hoá để giải mã những tầng sâu nhất, biện chứng nhất của phong tục đối với đời sống văn hoá xã hội của con người. Bởi dù muốn hay không thì văn hoá phong tục vẫn hiện hữu và chi phối một phần quan trọng trong đời sống xã hội. Nhiệm vụ nghiên cứu văn hoá học là lý giải bản chất để tìm ra những quy luật vận động của hệ thống phong tục này, tận dụng khả năng cố kết cộng đồng của chúng để duy trì trật tự xã hội, đồng thời nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- A.A. Radughin, 1997. Văn hoá học – Những bài giảng (Vũ Đình Phòng dịch 2004). Viện Văn hoá thông tin. Hà Nội. 670tr.
- Đào Duy Anh, 1938, tái bản 2014. Việt Nam văn hoá sử cương. NXB Thế Giới. Hà Nội. 311tr.
- Dương Văn Đám, 2013. Tư Thế phong thổ ký. NXB Văn học. Hà Nội. 350tr.
- Nguyễn Văn Hậu, 2012. Đi tìm bản sắc văn hoá dân tộc qua thể giới biểu tượng. <http://huc.edu.vn/chi-tiet/670/Di-tim-ban-sac-van-hoa-dan-toc-qua-the-gioi-bieu-tuong.html>. Truy cập ngày 23/7/2014.
- Lê Ngọc Hùng, 2011. Lịch sử & lý thuyết xã hội học. NXB ĐHQG Hà Nội. 492tr.
- Dương Thị Liễu, 2013. Giáo trình Văn hoá kinh doanh. NXB Đại học Kinh tế quốc dân. Hà Nội. 557tr.
- Nguyễn Tri Nguyên, 2006. Văn hoá – tiếp cận lý luận và thực tiễn. NXB Văn hoá thông tin Hà Nội. 476tr
- Nguyễn Tri Nguyên, 2010. Văn hoá học – Những phương diện liên ngành và ứng dụng. NXB Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. 291tr.
- Trần Ngọc Thêm, tái bản 2004. Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. 690tr.
- Trương Thìn, 2010. 101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục. NXB Thời Đại. Hà Nội. 231tr.
- Từ điển Từ Hải. 1989. Thượng Hải từ thư xuất bản xã. 2572 tr.
- Nam Việt, 2011. Văn hoá phong tục thể giới qua hình ảnh. NXB Hà Nội. Hà Nội. 381tr.